

Thành ngữ và tục ngữ

Cấp độ: TOPIK II (cấp 5-6) · CEFR C1-C2 · chương trình chuẩn King Sejong cấp 5-6 · Thời gian: Một năm trở lên với 1-2 giờ mỗi ngày, phần lớn dành cho đọc và nghe tiếng Hàn thực tế

Một bảng 12 thành ngữ và tục ngữ thông dụng kèm nghĩa đen và nghĩa thực, câu ví dụ và một bài kiểm tra ngắn.

Mười hai cách nói người Hàn dùng hằng ngày

Học mỗi cách nói như một cụm nguyên vẹn. Che các cột bên phải và tự kiểm tra, sau đó đọc to các câu ví dụ.

Cách nói	Nghĩa đen	Nghĩa
식은 죽 먹기 sigeun juk meokgi	ăn cháo nguội	việc gì rất dễ dàng
발이 넓다 bari neolda	chân rộng	biết nhiều người
눈이 높다 nuni nopda	mắt cao	có tiêu chuẩn cao, kén chọn
손이 크다 soni keuda	tay to	rộng rãi, hay làm hoặc cho nhiều
입이 무겁다 ibi mugeopda	miệng nặng	giữ bí mật giỏi
귀가 얇다 gwiga yalda	tai mỏng	dễ bị người khác lung lay
미역국을 먹다 miyeokgugeul meokda	ăn canh rong biển	trượt kỳ thi
그림의 떡 geurimui tteok	bánh gạo trong tranh	điều muốn nhưng không có được
티끌 모아 태산 tikkeul moa taesan	tích bụi thành núi	những phần nhỏ cộng lại thành lớn
백지장도 맞들면 낫다 baekjjjangdo matdeulmyeon natda	ngay cả tờ giấy cũng nhẹ hơn nếu hai người cùng nâng	cùng làm thì việc gì cũng dễ
가는 말이 고와야 오는 말이 곱다 ganeun mari gowaya oneun mari gopda	nói lời hay, nhận lại lời hay	nói tử tế thì người khác cũng sẽ tử tế với bạn
낮말은 새가 듣고 밤말은 쥐가 듣는다 nanmareun saega deutgo bammareun jwiga deunneunda	chim nghe lời ban ngày, chuột nghe lời ban đêm	tường có tai; hãy cẩn thận lời nói

Tiếng Hàn	Romanization	Nghĩa
이 정도 문제는 나한테 식 은 죽 먹기야.	i jeongdo munjeneun nahante sigeun juk meokgiya.	Vấn đề thế này với tôi chỉ như ăn kẹo.
우리 어머니는 손이 커서 음식을 항상 많이 하세요.	uri eomeonineun soni keoseo eumsigeul hangsang mani haseyo.	Mẹ tôi rộng rãi nên lúc nào cũng nấu rất nhiều đồ ăn.
그 차는 너무 비싸서 나한 테는 그림의 떡이다.	geu chaneun neomu bissaseo nahanteneun geurimui tteogida.	Chiếc xe đó đắt đến mức ngoài tầm với của tôi.
매일 조금씩 저축하면 티끌 모아 태산이 된다.	maeil jogeumssik jeochukamyeon tikkeul moa taesani doenda.	Mỗi ngày bạn để dành một chút, lâu dần sẽ thành nhiều.

Thành ngữ hợp với hội thoại và văn viết thân mật. Còn trong bài luận trang trọng, dùng từ ngữ giản dị và rõ ràng thường là lựa chọn an toàn hơn.

Cách diễn đạt nào phù hợp?

1. 동생이 이번 시험에서 (). (Em họ/em ruột của bạn trượt kỳ thi lần này.)
2. 민수 씨는 아는 사람이 정말 많아요. ().
3. 그 친구한테는 비밀을 말해도 돼요. ().
4. 광고만 보면 사고 싶어져요. 저는 ().
5. 이 일은 혼자 하면 힘들지만 같이 하면 쉬워요. ().
6. 친절하게 말하면 상대도 친절하게 대답해요. ().

Đáp án

- | | |
|---------------------------------------|--|
| 1. 미역국을 먹었다
miyeokgugeul meogeotda | 4. 귀가 얇아요
gwiga yalbayo |
| 2. 발이 넓어요
bari neolbeoyo | 5. 백지장도 맞들면 낫다
baekjijangdo matdeulmyeon natda |
| 3. 입이 무거워요
ibi mugeowoyo | 6. 가는 말이 고와야 오는 말이 곱다
ganeun mari gowaya oneun mari gopda |